

Bản án số: 85/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 30/6/2025

V/v: Ly hôn, nuôi con chung, cấp
đường nuôi con chung, nợ chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN CHÂU, TỈNH SƠN LA
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lường Tiến Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Ngọc Thiệp.

2. Bà Lý Thị Vinh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lan Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La .

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa:** Bà Bạc Thị Thoản - Kiểm sát viên.

Ngày 30/6/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 123/2025/TLST- HNGĐ ngày 13/2/2025 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16/5/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 107/2025/QĐST-HNGĐ ngày 06/6/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 112/2025/QĐST-HNGĐ ngày 13/6/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị S; Sinh năm: 1992; Địa chỉ: Bản B, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh Lò Văn H; Sinh năm: 1992; Địa chỉ: Bản B, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Phòng giao dịch Ngân hàng T; Địa chỉ: Tiểu khu 3, thị trấn T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Xuân T - Giám đốc. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 12/2/2025, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Lò Thị S trình bày:

- **Về hôn nhân:** Chị và anh Lò Văn H kết hôn với nhau từ ngày 18/7/2013 tại UBND xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La kết hôn do cả hai bên cùng tự nguyện, không bên nào bị cưỡng ép, lừa dối. Sau khi kết hôn chị và anh H chung sống hoà thuận hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính phát sinh mâu thuẫn là do khác biệt quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài không tìm được tiếng nói chung, đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Chị S nhận thấy cuộc hôn nhân này không còn hạnh phúc nên đã viết đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu giải quyết cho chị được ly hôn anh Lò Văn H.

- **Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung:** Trong thời gian chung sống anh, chị có 03 con chung là cháu Lò Hoàng Đ, sinh ngày 18/9/2011, cháu Lò Thị Huyền T, sinh ngày 13/9/2019, cháu Lò Đức H, sinh ngày 09/9/2017. Chị S đề nghị giao 03 cháu cho anh Lò Văn H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị S cấp dưỡng nuôi con chung 03 cháu mỗi cháu 600.0000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Nợ Phòng giao dịch Ngân hàng T 52.000.000 đồng. Chị có trách nhiệm 30.000.000 đồng và lãi phát sinh đến khi đến hạn trả nợ. Chị đề nghị anh H có trách nhiệm trả 22.000.000 đồng và lãi phát sinh đến khi đến hạn trả nợ.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn anh Lò Văn H trình bày:

- **Về hôn nhân:** Anh và chị S kết hôn với nhau từ ngày 18/7/2013 tại UBND xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La kết hôn do cả hai bên cùng tự nguyện, không bên nào bị cưỡng ép, lừa dối. Sau khi kết hôn anh và S chung sống hoà thuận hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính phát sinh mâu thuẫn là do chị S ngoại tình với người khác. Anh xác định vẫn còn tình cảm với chị S nên không nhất trí ly hôn.

- **Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung:** Trong thời gian chung sống anh, chị có 03 con chung đúng như chị S khai. Anh đề nghị giao 03 cháu cho anh được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị S phải cấp dưỡng nuôi con chung 03 cháu mỗi cháu 2.000.0000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Nợ Phòng giao dịch Ngân hàng T 52.000.000 đồng. Anh đề nghị chị S có trách nhiệm trả cho anh 30.000.000 đồng để anh trả Ngân hàng.

Tại công văn số: 90/CV-NHCS ngày 20/5/2025 Phòng giao dịch Ngân hàng T xác nhận: Anh Lò Văn H, chị Lò Thị S có vay Ngân hàng chính sách xã hội huyện Thuận Châu với số tiền 52.000.000 đồng, mục đích cho vay vốn chương trình vay vốn cho vay hộ nghèo. Nếu chị S và anh H ly hôn đề nghị anh H và chị S cùng chịu trách nhiệm trả nợ tổng số tiền vay gốc 52.000.000 đồng và lãi phát sinh, trong đó anh H phải trả nợ 22.000.000 đồng và chị S phải trả nợ 30.000.000 đồng.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ chị S không cung cấp thêm chứng cứ cho Tòa án và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người làm chứng, người tham gia tố tụng. Nguyên đơn chị S đề nghị không tiến hành hòa giải và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Kể từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến trước khi ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Thụ lý đúng thẩm quyền tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đầy đủ tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ đầy đủ đúng quy định. Đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, gửi kịp thời các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng theo quy định tại các Điều 97, Điều 195, Điều 196, Điều 198, Điều 203, Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa đã thực hiện theo đúng quy định tại Điều 51, Điều 237 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự đúng theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của nguyên đơn chị Lò Thị S: Chị S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt là đảm bảo, đúng quy định pháp luật.

- Về sự vắng mặt của bị đơn anh Lò Văn H: Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ, niêm yết vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt là đảm bảo, đúng quy định pháp luật.

- Về sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Phòng giao dịch Ngân hàng T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt là đảm bảo, đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 177, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Đề nghị:

- *Về hôn nhân*: Xử cho chị Lò Thị S được ly hôn với anh Lò Văn H.

- *Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung*: Giao 03 cháu: cháu Lò Hoàng Đ, sinh ngày 18/9/2011, cháu Lò Thị Huyền T, sinh ngày 13/9/2019, cháu Lò Đức H, sinh ngày 09/9/2017 cho anh Lò Văn H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị Lò Thị S cấp dưỡng nuôi con chung 03 cháu mỗi cháu 600.0000 đồng/ tháng. Thời hạn cấp dưỡng từ tháng 7 năm 2025.

- *Về tài sản chung*: Không yêu cầu giải quyết.

- *Về nợ chung*: Buộc chị Lò Thị S có trách nhiệm thanh toán khoản nợ cho Phòng giao dịch Ngân hàng T số tiền là 30.000.000 đồng và lãi phát sinh đến khi Ngân hàng yêu cầu trả nợ. Buộc anh Lò Văn H có trách nhiệm thanh toán khoản nợ cho Phòng giao dịch Ngân hàng T số tiền là 22.000.000 đồng và lãi phát sinh đến khi Ngân hàng yêu cầu trả nợ.

- *Về án phí*: Miễn án phí dân sự sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con chung và án phí nghĩa vụ về nợ chung cho chị Lò Thị S. Miễn án phí nghĩa vụ về nợ chung cho anh Lò Văn H.

* *Những yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm*: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- *Về thẩm quyền giải quyết*: Xét yêu cầu giải quyết việc ly hôn của nguyên đơn chị Lò Thị S thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, bị đơn có nơi cư trú tại huyện Thuận Châu nên Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La thụ lý giải quyết là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về sự vắng mặt của nguyên đơn chị Lò Thị S*: Chị Lò Thị S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt là đảm bảo, đúng quy định pháp luật.

- *Về sự vắng mặt của bị đơn anh Lò Văn H*: Anh Lò Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, bị đơn vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt là đảm bảo, đúng quy định pháp luật.

- *Về sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Phòng giao dịch Ngân hàng T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt là đảm bảo, đúng quy định pháp luật.

[2]. Về hôn nhân: Chị Lò Thị S và anh Lò Văn H có đăng ký kết hôn từ ngày 18/7/2013 tại UBND xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La kết hôn do cả hai bên cùng tự nguyện, không bên nào bị cưỡng ép, lừa dối đúng theo quy định của

pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh H là hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân rơi vào bế tắc. Từ năm 2019 cho đến nay chị và anh đã sống ly thân, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai.

Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh, chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị S có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh H và chị S giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Anh H xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh không nhất trí ly hôn là không có căn cứ chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị S ly hôn với anh H.

[3]. Về con chung: Trong thời gian chung sống anh, chị có 03 con chung: Cháu Lò Hoàng Đ, sinh ngày 18/9/2011, cháu Lò Thị Huyền T, sinh ngày 13/9/2019, cháu Lò Đức H, sinh ngày 09/9/2017. Chị S đề nghị giao 03 cháu cho anh Lò Văn H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị S cấp dưỡng nuôi con chung 03 cháu mỗi cháu 600.0000 đồng/tháng cho đến khi 03 cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Thời hạn cấp dưỡng từ tháng 7 năm 2025.

Hội đồng xét xử căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của các con, đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên, xem xét anh H có đủ khả năng và điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con hàng ngày. Tại biên bản ghi ý kiến các cháu Lò Hoàng Đ, Lò Thị Huyền T, Lò Đức H đều có nguyện vọng ở với anh H. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các cháu như ăn mặc, học hành, những điều kiện cho sự phát triển về thể chất và tinh thần, tâm sinh lý. Giao 03 cháu Lò Hoàng Đ, Lò Thị Huyền T, Lò Đức H cho anh H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị S cấp dưỡng nuôi con chung 03 cháu mỗi cháu 600.0000 đồng/tháng cho đến khi 03 cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Thời hạn cấp dưỡng từ tháng 7 năm 2025 là có căn cứ cần được chấp nhận, hợp tình, hợp lý. Sau khi ly hôn chị S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó căn cứ Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản chung: Không có.

[5]. Về tài sản riêng: Không có.

[6]. Về nợ chung: Chị Lò Thị S và anh Lò Văn H có nợ chung là: Nợ Phòng giao dịch Ngân hàng T số tiền là 52.000.000 đồng và lãi phát sinh. Chị S tự nguyện trả số tiền 30.000.000 đồng và lãi phát sinh xét thấy cần chấp nhận. Việc anh H đề nghị chị S có trách nhiệm trả cho anh 30.000.000 đồng để anh trả số tiền là 52.000.000 đồng và lãi phát sinh cho Ngân hàng là không có căn cứ chấp nhận, không phù hợp với ý kiến của Ngân hàng. Do vậy để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự, cần buộc chị S có trách nhiệm thanh toán số tiền 30.000.000 đồng và lãi phát sinh đến khi đến hạn trả nợ, buộc anh H có trách nhiệm

thanh toán số tiền 22.000.000 đồng và lãi phát sinh đến khi đến hạn trả nợ vận dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án. Nếu bên phải thi hành không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành án thì còn phải chịu tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

[7]. Về án phí: Chị Lò Thị S, anh Lò Văn H là người dân tộc thiểu số sinh sống ở khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí dân sự sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con chung và án phí nghĩa vụ về nợ chung cho chị Lò Thị S. Miễn án phí nghĩa vụ về nợ chung cho anh Lò Văn H.

[8]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lò Thị S được ly hôn với anh Lò Văn H.

2. Về con chung: Xử giao 03 cháu: Cháu Lò Hoàng Đ, sinh ngày 18/9/2011, cháu Lò Thị Huyền T, sinh ngày 13/9/2019, cháu Lò Đức H, sinh ngày 09/9/2017 cho anh Lò Văn H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc chị Lò Thị S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 03 cháu: Cháu Lò Hoàng Đ, sinh ngày 18/9/2011, cháu Lò Thị Huyền T, sinh ngày 13/9/2019, cháu Lò Đức H, sinh ngày 09/9/2017 mỗi tháng mỗi cháu 600.0000 đồng cho đến khi 03 cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Thời hạn cấp dưỡng từ tháng 7 năm 2025.

4. Về nợ chung:

Tuyên xử buộc chị Lò Thị S có trách nhiệm thanh toán khoản nợ cho Phòng giao dịch Ngân hàng T số tiền là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) và lãi phát sinh đến khi có yêu cầu trả nợ.

Tuyên xử buộc anh Lò Văn H có trách nhiệm thanh toán khoản nợ cho Phòng giao dịch Ngân hàng T số tiền là 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu đồng) và lãi phát sinh đến khi có yêu cầu trả nợ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án. Nếu bên phải thi hành không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành án thì còn phải chịu tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

5. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con chung và án phí nghĩa vụ về nợ chung cho chị Lò Thị S. Miễn án phí nghĩa vụ về nợ chung cho anh Lò Văn H.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Lò Thị S, anh Lò Văn H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Thuận Châu(02 bản);
- Chi cục THADS huyện Thuận Châu;
- UBND xã B, huyện Thuận Châu;
- Các đương sự.
- Lưu án văn;
- Lưu:Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lường Tiến Hải

